

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 43/CV-BD ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3495/TTr-CCBVMT ngày 11 tháng 8 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương, địa chỉ trụ sở chính tại thửa đất số 566, tờ bản đồ 12, đường ĐT 747, tổ 4, khu phố Ba Đình, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Mỏ đá xây dựng Thường Tân III (Dự án đầu tư xây dựng xuống sâu đến cote -100m, nâng công suất khai thác từ 1.500.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm lên 1.700.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, mỏ đá xây dựng Thường Tân III tại xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**



1.1. Tên cơ sở: Mỏ đá xây dựng Thường Tân III (Dự án đầu tư xây dựng xuống sâu đến cote -100m, nâng công suất khai thác từ 1.500.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm lên 1.700.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, mỏ đá xây dựng Thường Tân III tại xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp 3, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3700546632 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004 và được cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3700546632 cấp ngày 05 tháng 01 năm 2004.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, chế biến mỏ đá xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích Dự án theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1074/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2019 là 58,3 ha trong đó:

+ Diện tích khai trường: 46,3 ha.

+ Khu vực chế biến, phụ trợ: 7,6 ha

+ Bãi thải ngoài ranh: 4 ha.

+ Khu vực văn phòng: 0,25 ha.

+ Diện tích đường nội bộ và công trình thoát nước: 0,15 ha.

- Tổng diện tích đất của cơ sở tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là 45,86969 ha trong đó:

+ Diện tích khai trường: 41,48583 ha (bao gồm diện tích hồ lắng 0,12 ha).

+ Khu vực chế biến, phụ trợ: 2,48386 ha

+ Bãi thải ngoài ranh: 1,5 ha.

+ Khu vực văn phòng: 0,25 ha.

+ Diện tích đường nội bộ và công trình thoát nước: 0,15 ha.

1.6.2. Công suất khai thác 1.700.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, mức sâu khai thác đến cote -100m.

1.6.3. Quy mô:

- Mỏ đá xây dựng Thường Tân III có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).



- Mỏ đá xây dựng Thường Tân III có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.4. Theo Giấy phép khai thác số 78/GP-UBND ngày 9 tháng 9 năm 2019 do Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp: Thời gian khai thác đến ngày 8 tháng 9 năm 2029.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **6 năm 24 ngày.**

(Từ ngày 16 tháng 8 năm 2023 đến ngày 08 tháng 9 năm 2029, theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2091/GXN-STNMT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Mỏ đá xây dựng Thường Tân III theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Cty CP Xây dựng Bình Dương;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công thương;
- UBND huyện Bắc Tân Uyên;
- Thanh tra Sở;
- Phòng TNN-KS;
- UBND xã Thường Tân;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Tuyet5.

**GIÁM ĐỐC**



**Ngô Quang Sự**





**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **110/GPMT-STNMT** ngày **16** tháng **8** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước tháo khô mỏ (nước dưới đất và nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác); nước mưa chảy tràn xung quanh khu vực moong khai thác, sân công nghiệp, bãi thải tạm, khu văn phòng và nước rửa xe với lưu lượng khoảng 320 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng với lưu lượng khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà ăn, tắm giặt của công nhân với lưu lượng khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** rạch Bà Đặng chảy ra sông Đồng Nai (tại ấp 3, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- 01 dòng: nước thải sau xử lý tương ứng nguồn số 01 và nguồn số 03 xả vào mương nội đồng sau đó ra rạch Bà Đặng tại ấp 3, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (việc đấu nối nước thải sau xử lý vào mương nội đồng đã được Ủy ban nhân dân xã Thường Tân thống nhất xác nhận ngày 04 tháng 5 năm 2023).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>o</sup>): X = 1.220.278; Y = 622.324.

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 321,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.****2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước tháo khô mỏ; nước mưa chảy tràn xung quanh khu vực moong khai thác, sân công nghiệp, bãi thải tạm, khu văn phòng và nước rửa xe; nước thải từ nhà ăn, tắm giặt của công nhân sau xử lý được bơm ra mương nội đồng thoát ra rạch Bà Đặng và chảy ra sông Đồng Nai.

- Hình thức xả: bơm.



ly

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn, phụ thuộc vào lưu lượng nước phát sinh trong mỏ và thời điểm mùa mưa, mùa nắng.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/ BTNMT ( $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ; cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Quan trắc định kỳ 03 tháng/lần theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	29,7		
3	COD	mg/l	74,25		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
5	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,96		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
8	Sắt	mg/l	0,99		
9	Đồng	mg/l	1,98		
10	Chì	mg/l	0,099		
11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

## B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải**

- Nguồn số 01 và 03: Nước tháo khô mỏ chảy vào hố thu nước đặt dưới đáy moong được bơm (02 máy bơm, mỗi máy bơm có công suất 250 Hp tương đương



500 m<sup>3</sup>/giờ hoạt động luân phiên) lên hồ lắng ở phía Bắc khu mỏ bằng đường ống thép đường kính 250mm; Nước thải phát sinh từ nhà ăn, tắm giặt của công nhân được thu gom bằng đường ống PVC đường kính 110mm (chiều dài khoảng 550m) và nước mưa chảy tràn xung quanh khu vực moong khai thác, sân công nghiệp, bãi thải tạm, khu văn phòng, nước rửa xe được dẫn dòng theo rãnh thoát nước về hồ lắng sơ cấp ở phía Tây Nam khu mỏ để lắng trước khi dùng bơm (công suất 100 Hp tương đương 200 m<sup>3</sup>/giờ) bơm về hồ lắng bằng đường ống PVC đường kính 250mm. Nước tại hồ lắng được lắng lần 2 nhằm đảm bảo đạt chất lượng nước theo quy định trước khi dùng bơm (công suất 100 Hp tương đương 200 m<sup>3</sup>/giờ) bơm ra ruộng nội đồng (rộng 01-1,5m, sâu 0,8-01m) bằng đường ống PVC đường kính 250mm, chiều dài 150m tự chảy ra rạch Bà Đặng (từ ruộng nội đồng ra rạch Bà Đặng khoảng 400m) và đổ về sông Đồng Nai.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng mỏ của công nhân viên được thu gom, xử lý qua 01 bể tự hoại 03 ngăn (dung tích chứa 60 m<sup>3</sup>), sau đó định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 01 và 03:

Nước mưa chảy tràn xung quanh khu vực moong khai thác, sân công nghiệp, bãi thải tạm, khu văn phòng, nước rửa xe và nước thải phát sinh từ nhà ăn, tắm giặt của công nhân → Hồ lắng sơ cấp → Bơm → Hồ lắng (xử lý cùng nước ngầm, nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác).

Nước ngầm, nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác → Hồ thu trong moong khai thác → Trạm bơm → Hồ lắng → Bơm → Nguồn tiếp nhận (Ruộng nội đồng chảy ra rạch Bà Đặng thoát ra sông Đồng Nai).

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn có chống thấm → Định kỳ 6 tháng Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công suất thiết kế:

\* Đối với nguồn số 01 và 03:

+ Hồ lắng sơ cấp: Dung tích chứa: 1.815 m<sup>3</sup> (dài 33m, rộng 11m, sâu 5m).

+ Hồ thu: Dung tích chứa 150.000 m<sup>3</sup> (dài 500 m, rộng 100 m, sâu 3 m).

+ Hồ lắng: Dung tích chứa 6.000 m<sup>3</sup> (dài 40m, rộng 30 m, sâu 5 m).

+ Máy bơm nước: 01 máy đặt tại hồ lắng sơ cấp có công suất 100 Hp (tương đương 200 m<sup>3</sup>/giờ); 02 máy (1 máy dự phòng) đặt hồ thu, công suất 250 Hp/máy (tương đương 500 m<sup>3</sup>/giờ/máy); 01 máy đặt tại hồ lắng có công suất 100 Hp (tương đương 200 m<sup>3</sup>/giờ/máy).

\* Đối với nguồn số 02:



by



- Bể tự hoại 03 ngăn có chống thấm: dung tích chứa 60 m<sup>3</sup>.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị đối với các máy bơm thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời, tránh trường hợp xảy ra sự cố, ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải (hồ lắng) xảy ra sự cố (*nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn thải ra môi trường hoặc vỡ hồ lắng*): ngưng ngay việc bơm nước từ hồ thu trong moong khai thác và hồ lắng sơ cấp về hồ lắng để khắc phục sự cố; trong trường hợp vỡ hồ lắng Công ty phải ngưng hoạt động và tập trung nhân lực, thiết bị để đắp lại hồ lắng để nước không thoát ra môi trường đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các máy bơm, đường ống thu gom, hồ lắng và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét phòng ngừa tắc nghẽn hệ thống thoát nước vào ngày mưa.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường (hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý).

- Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, ... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng quy định về chất lượng nước thải được thải ra môi trường, cũng như xả thải vượt quá lưu lượng tối đa cho phép của mỗi nguồn thải được cấp phép.



## Phụ lục 2

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 40/GPMT-STNMT ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

Không có

##### **1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

- Hệ thống phun sương được lắp đặt tại 04 tổ hợp máy nghiền sàng đá để giảm thiểu bụi: Mỗi tổ hợp máy nghiền sàng lắp đặt 01 hệ thống phun nước gồm các đường ống dẫn nước cao su mềm ( $D27mm$ ) phân phối nước đến các ống nhựa gắn béc phun sương ( $D27mm$ , dài  $0,5m$ ), ống nhựa gắn béc phun sương bố trí tại các vị trí phát sinh bụi gồm: máng cấp liệu, máy nghiền sơ cấp, máy sàng sơ cấp, máy sàng cấp 1, máy nghiền thứ cấp, tại các đầu băng tải nhằm tạo ẩm giảm bụi.

- Tưới nước để giảm thiểu bụi tại các khu vực khai thác, khu vực đường vận chuyển nội mỏ và đường từ mỏ ra bến cảng (tần suất tưới  $04$  chuyến/ngày vào mùa khô và  $02$  chuyến/ngày vào mùa mưa); hệ thống tưới nước tại trạm cân để tưới nước vào đá nguyên khai chở lên khu vực khai thác trước khi dỡ tải tại trạm nghiền, trạm cân.

- Trồng cây xanh (khoảng  $10.025$  cây keo) quanh moong khai thác, sân công nghiệp, khu vực đường vận chuyển ra bến cảng... để giảm phát tán bụi. Cụ thể:

+ Xung quanh moong khai thác trồng với chiều dài  $1.582m$ : trồng cây keo, trồng cây với mật độ  $0,5 - 1m/cây$ . Số lượng cây đã trồng:  $8.050$  cây.

+ Xung quanh khu vực chế biến, bãi thải trồng với chiều dài  $800m$ : trồng cây keo, trồng cây với mật độ  $0,5 - 1m/cây$ . Số lượng cây đã trồng:  $1.375$  cây

+ Dọc đường vận chuyển trồng với chiều dài  $520m$ : trồng cây keo, trồng cây với mật độ  $0,5 - 1m/cây$ . Số lượng cây đã trồng:  $600$  cây.

##### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị phun nước tạo ẩm giảm thiểu bụi; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị phun nước hư hỏng.

- Trường hợp công trình, hệ thống phun nước tạo ẩm giảm thiểu bụi gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ ngưng hoạt động, báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục. Sau khi khắc phục xong sẽ hoạt động trở lại.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi phát tán vào môi trường không khí từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 110/GPMT-STNMT ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**
**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Hoạt động của thiết bị máy móc tại tổ hợp máy nghiền sàng số 01.
- Nguồn số 02: Hoạt động của thiết bị máy móc tại tổ hợp máy nghiền sàng số 02.
- Nguồn số 03: Hoạt động của thiết bị máy móc tại tổ hợp máy nghiền sàng số 03.
- Nguồn số 04: Hoạt động của thiết bị máy móc tại tổ hợp máy nghiền sàng số 04.
- Nguồn số 05: Hoạt động nổ mìn (hoạt động này có tính chất tức thời và trong khoảng thời gian rất ngắn khoảng 0,25 giây).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn số	Vị trí phát sinh tiếng ồn	Tọa độ	
		(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°)	
1	Tổ hợp máy nghiền sàng số 01	X = 1.219.760	Y = 622.235
2	Tổ hợp máy nghiền sàng số 02	X = 1.219.730	Y = 622.262
3	Tổ hợp máy nghiền sàng số 03	X = 1.219.666	Y = 622.335
4	Tổ hợp máy nghiền sàng số 04	X = 1.219.648	Y = 622.365

- Tuyến đường vận chuyển nội mỏ: dọc theo tuyến đường vận chuyển đá từ khu vực khai trường về khu vực chế biến khoáng sản.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo hành máy móc thiết bị tại mỏ đúng theo quy trình về kiểm định máy móc thiết bị; nổ mìn theo giờ quy định; áp dụng nổ mìn vi sai phi điện; tuân thủ quy định, quy chế khoan nổ mìn áp dụng cho công nghệ khai thác mỏ lộ thiên,...; phối hợp chặt chẽ với các mỏ khác trong khu vực, tránh nổ mìn đồng thời cùng một thời điểm.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 110 /GPMT-STNMT ngày 16 tháng 8 năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	NH	Rắn	4
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	NH	Rắn	2
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	NH	Lỏng	240
4	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	Rắn	6
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng, can chứa dầu nhớt thải)	18 01 02	KS	Rắn	40
6	Bao bì mềm thải	18 01 03	KS	Rắn	653
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	287
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>					<b>1.232</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh**

Đất đá thải (bao gồm đất phủ và đá bán phong hóa) với khối lượng 131.139,85 m<sup>3</sup>.

### **1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh,...) với khối lượng khoảng 2.400 kg/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: 07 Thùng chứa bằng nhựa HPDE 240 lít, kích thước (dài x rộng x cao):  $0,55 \times 0,47 \times 0,95 \text{ m} = 0,24 \text{ m}^3$ .

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải:  $9 \text{ m}^2$ .

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tôn bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường**

- Thiết bị lưu chứa: không có.

- Khu vực lưu chứa: bố trí 01 bãi thải tạm ở phía Nam mỏ, có diện tích 1,5ha. Đất đá thải được sử dụng đắp đường vận chuyển, đắp đê bao và xây dựng khu chế biến; khối lượng còn lại đổ thải tại bãi thải tạm.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: 03 thùng nhựa HDPE 240 lít, kích thước (dài x rộng x cao):  $0,55 \times 0,47 \times 0,95 \text{ m} = 0,24 \text{ m}^3$ .

2.3.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho chứa:  $6 \text{ m}^2$ .

- Thiết kế, cấu tạo của kho: tường cao 01 m và mái che, nền bê tông cốt thép, mái tole dày 0,45mm, xà gồ thép tráng kẽm.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố



môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân xã Thường Tân và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

0A  
ÁI M  
MÔI  
B

67

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG****1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường chính**

- Nội dung phương án: Cải tạo khu mỏ thành hồ chứa nước cung cấp cho mục đích tưới tiêu của khu vực và cải tạo khu vực xung quanh mỏ. Dung tích hồ chứa nước là 26.332.700 m<sup>3</sup>, chiều sâu 100m.

- Khai trường khai thác: Đắp đê bao và trồng cây trên đê bao; trồng cỏ vertiver giữ sườn các bờ bao; xây dựng hàng rào lưới B40, móng giằng bê tông cốt thép; lắp đặt biển báo; củng cố bờ mỏ ổn định như thiết kế; xây dựng hệ thống thoát nước cho hồ mỏ, cao trình cửa thoát nước có cote + 3,5m; củng cố đê bao xung quanh moong khai thác.

- Khu vực bãi thải đất đá: San gạt mặt bằng, bãi thải quanh moong, cải tạo khu vực đáy moong, nạo vét mương rãnh thoát nước xung quanh moong; trồng cây trên mặt bằng khu vực bãi thải; bổ sung lớp đất màu lên diện tích bãi thải, nạo vét mương thoát.

- Sân công nghiệp, khu vực phụ trợ phục vụ khai thác: tháo dỡ, phá bỏ các công trình, thiết bị, khu nhà văn phòng, khu nhà lưu chứa chất thải để di dời ra khỏi khu mỏ; san gạt, cải tạo mặt bằng và trồng cây trên toàn bộ diện tích; san lấp ao lầy, trồng cây trên diện tích đã san lấp.

- Trồng cây xanh dọc tuyến đường vận chuyển; duy tu, nạo vét rạch Bà Đặng; duy tu, bảo dưỡng tuyến đường giao thông (đường dân sinh người dân sử dụng ở phía Bắc mỏ, đường ra vào mỏ và 500m đường ĐT 746 đoạn vào cửa mỏ).

**2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và số tiền ký quỹ**

- Bảng tiến độ và chi phí xây dựng cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Tên công trình	Khối lượng	Thời gian thực hiện
<b>A</b>	<b>Giai đoạn 1 – Trong thời gian khai thác</b>		
<b>I</b>	<b>Các công trình đã thực hiện</b>		
1	Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác, sân công nghiệp, bãi thải, khu văn phòng, đường vận chuyển	10.025 cây	Đã hoàn thành
2	Trồng cỏ vertiver giữ sườn các bờ đê bao	3.480 m <sup>2</sup>	Đã hoàn thành



3	Lắp biển báo	32 cái	Đã hoàn thành
4	Đắp đê bao	1.582 m	Đã hoàn thành
5	Đo vẽ bản đồ địa hình hiện trạng	41,48583ha	Đã thực hiện hàng năm
<b>II Các công trình tiếp tục thực hiện</b>			
1	Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác, sân công nghiệp, bãi thải, khu văn phòng, đường vận chuyển	1.701 Cây	Năm 2023 - kết thúc khai thác
2	Củng cố bờ moong khai thác	5.490 m <sup>3</sup>	Năm 2023 - kết thúc khai thác
3	Xây hàng rào bảo vệ quanh moong	1.582m	Năm 2023 - kết thúc khai thác
4	Đào mương dẫn nước, nạo vét mương	1.186 m <sup>3</sup>	Năm 2023 - kết thúc khai thác
5	Đo vẽ bản đồ địa hình hiện trạng	46,3ha	Năm 2023 - kết thúc khai thác
<b>II Giai đoạn 2 – Sau khi kết thúc khai thác</b>			
1	Dọn dẹp đáy moong	7.383 m <sup>3</sup>	Năm kết thúc khai thác
2	Trồng cây xanh tại khu vực sân công nghiệp và bãi thải	25.032 cây	Năm kết thúc khai thác
3	Củng cố đê bao	4.350 m <sup>3</sup>	Năm kết thúc khai thác
4	Nạo vét hệ thống mương rãnh, tạo hệ thống thoát nước	1.186 m <sup>3</sup>	Năm kết thúc khai thác
5	Tháo dỡ công trình văn phòng và phụ trợ trên sân công nghiệp	-	Năm kết thúc khai thác
6	San lấp ao lầy	6.000 m <sup>3</sup>	Năm kết thúc khai thác
7	San gạt mặt bằng sân công nghiệp	22.800 m <sup>3</sup>	Năm kết thúc khai thác
8	Cải tạo, san gạt bãi thải	12.000 m <sup>3</sup>	Năm kết thúc khai thác
9	Tu sửa đường giao thông	1.040m	Năm kết thúc khai thác

X.H.C.N  
SỞ  
TUYÊN V  
TRƯỜNG  
H. DUON



- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 1074/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2019: 5.731.395.170 đồng; Công ty đã ký quỹ 1.440.873.000 đồng nên số tiền ký quỹ Công ty phải thực hiện sau khi phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường là 4.290.522.170 đồng (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*), thực hiện ký quỹ 11 lần.

- Công ty đã thực hiện 05 lần (*trong tổng số 11 lần*) ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương với số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là: 3.753.421.053 đồng (*bao gồm số tiền đã ký quỹ 1.440.873.000 đồng*); số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 3.671.944.530 đồng.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 2.059.450.640 đồng.

- Số lần còn lại phải thực hiện ký quỹ: 6 lần.

- Số tiền ký quỹ mỗi lần từ lần thứ 6 tới lần thứ 11 chưa bao gồm yếu tố trượt giá của các năm tiếp theo là: 343.241.774 đồng.

- Thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

## **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

## **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

- Tại thời điểm đề xuất cấp Giấy phép môi trường, diện tích của cơ sở đã hoàn thành thủ tục pháp lý về đất đai là 45,86969 ha (*trong tổng số diện tích đất theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 1074/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2019 là 58,3 ha, diện tích khai thác được phê duyệt theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2019 là 46,3 ha*). Công ty tiếp tục thực hiện thủ tục thuê đất theo đúng quy định cho phần diện tích còn lại là 12,43031 ha để đáp ứng quy mô diện tích đất khai thác, chế biến đá của cơ sở là 58,3 ha.

- Thực hiện các nội dung cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian khai thác và sau khi kết thúc khai thác theo đúng tiến độ tại Phần A Phụ lục này.

## **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ theo QCVN 01:2019/BCT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và QCVN 04:2009/BCT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.



- Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất các khu vực sườn tầng, bờ moong khai thác, tổ chức theo dõi giám sát thường xuyên khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng trên thì phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cho cơ quan thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, cải tạo, gia cố tuyến bờ bao và các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của dự án.

- Trồng và chăm sóc thường xuyên cây xanh để hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản và đất đai,.../.